CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Ắc quy Tia Sáng

Ngày 31/12/2025	27,800 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-	-	-

DT thuần
Q4/25
47.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.10| 6.9%
YoY: ▲ 5.70| 13.5%

LN thuần
Q4/25
1.14
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.04| 3.9%
YoY: ▲ 1.79| 276%

LN sau thuế
Q4/25
0.89
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.01| 1.0%
YoY: ▲ 1.44| 262%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
2.0%
YoY: +/-▼ 1.9%

ROE
2025
2.6%
YoY: +/-▼ 3.9%

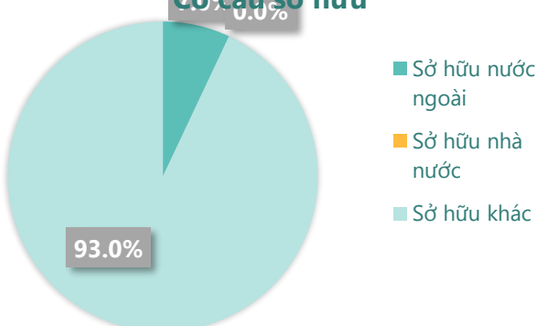
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,500 - 43,441
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	188
Số lượng CPLH (CP)	6,745,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	13,710
Sở hữu nước ngoài	7.0%
Beta	0.44
EPS	309
P/E	89.9

DT thuần
2025
192
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.0| 5.6%

LN thuần
2025
2.63
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.92| -59.9%

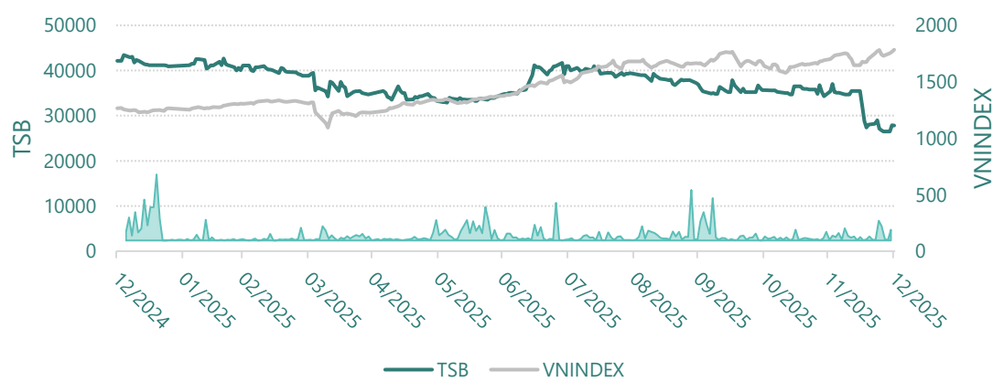
LN sau thuế
2025
2.09
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.12| -60.0%

Cơ cấu sở hữu

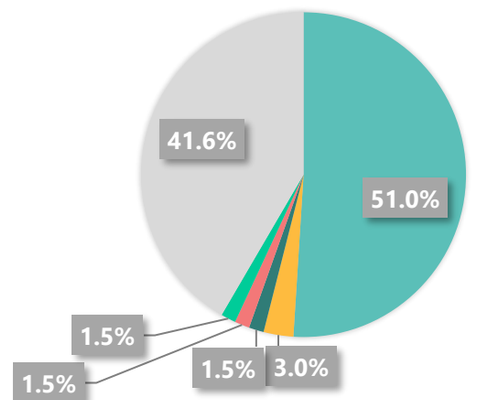


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



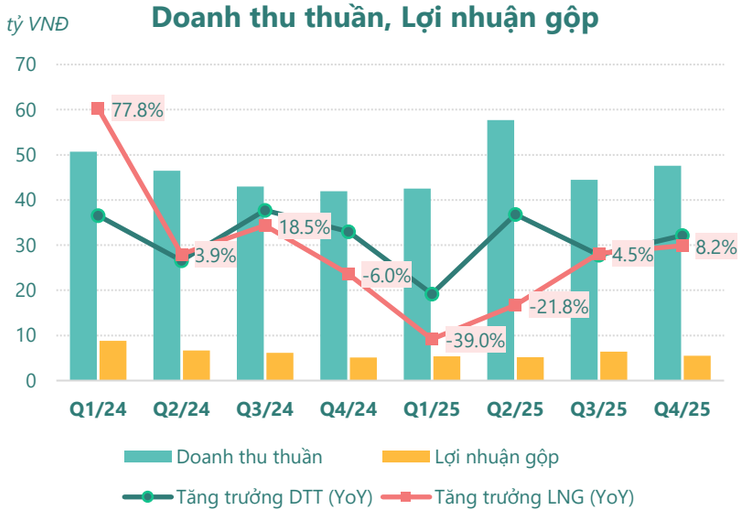
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

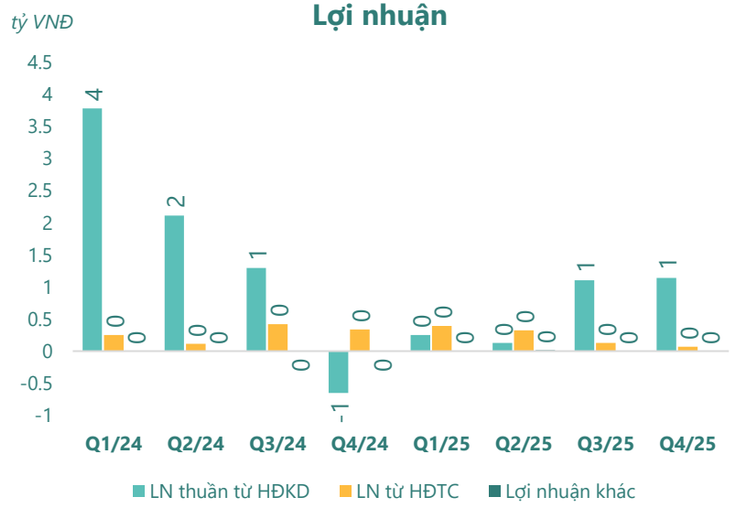
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



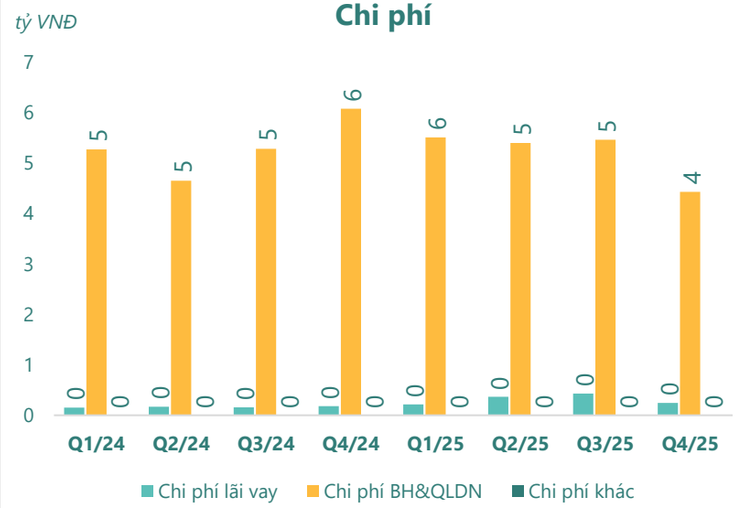
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



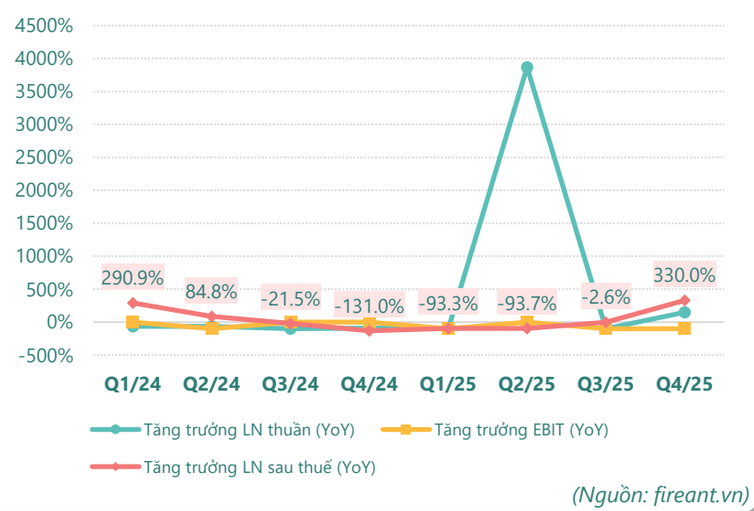
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



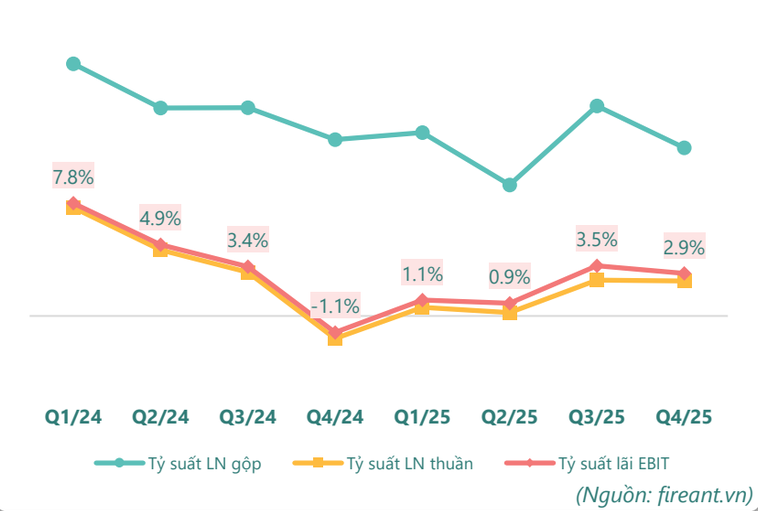
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



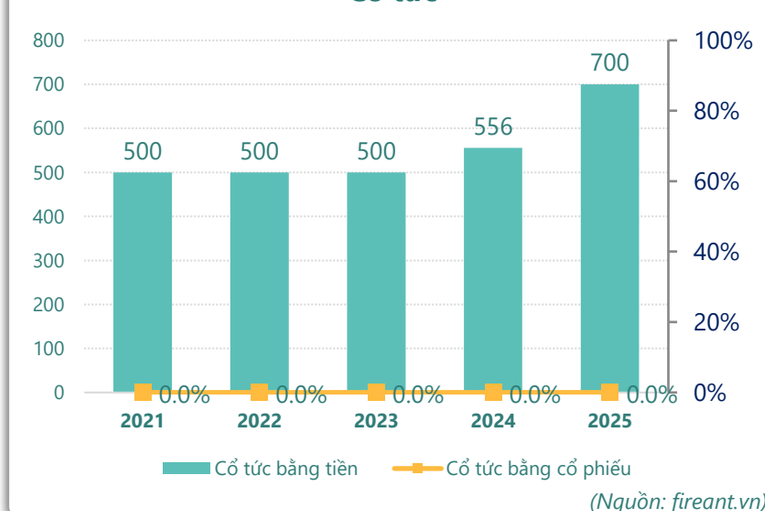
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

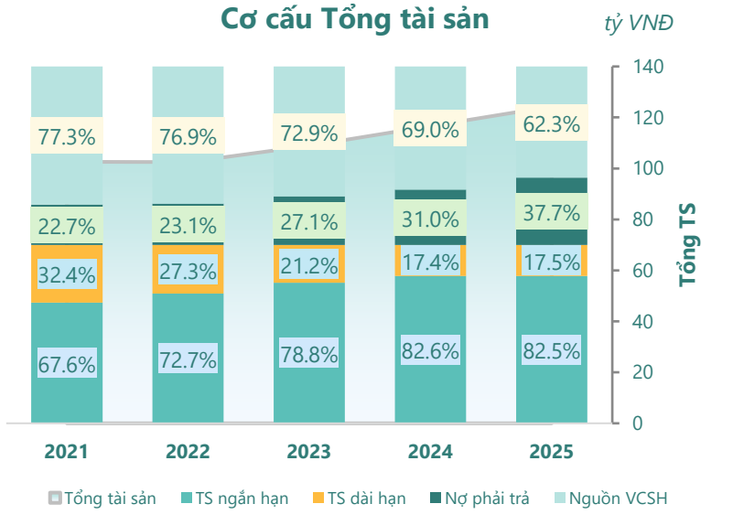
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

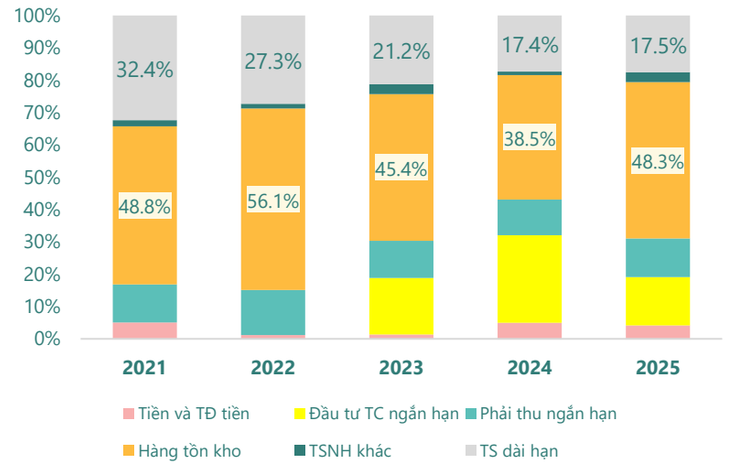
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



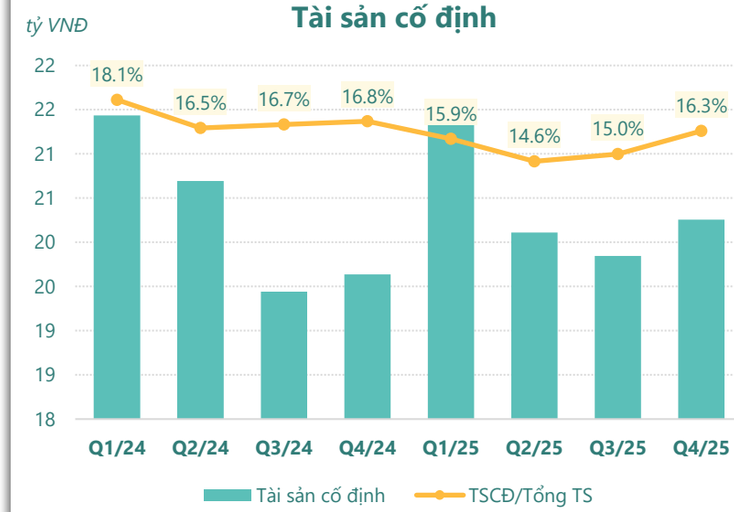
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



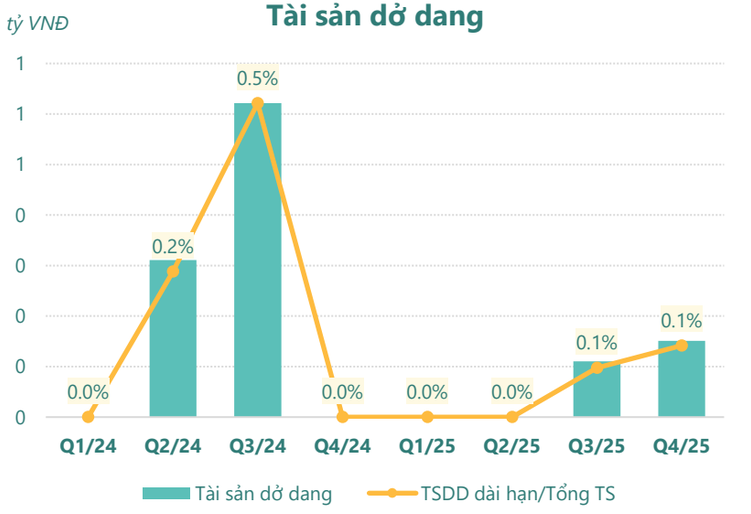
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



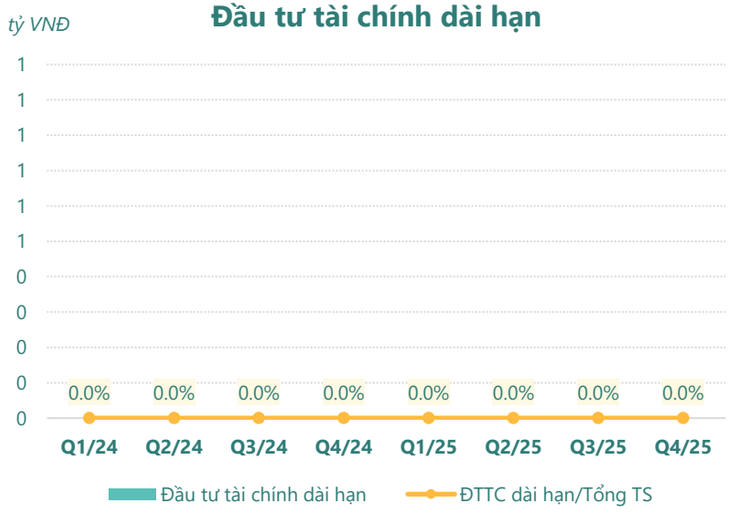
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



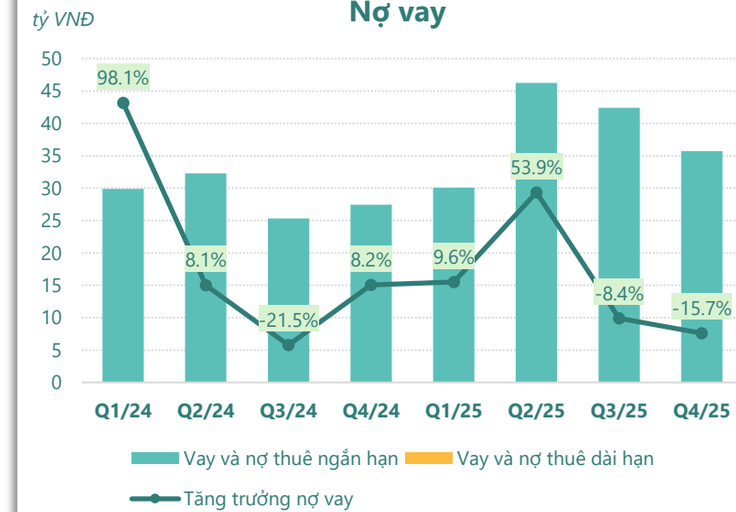
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

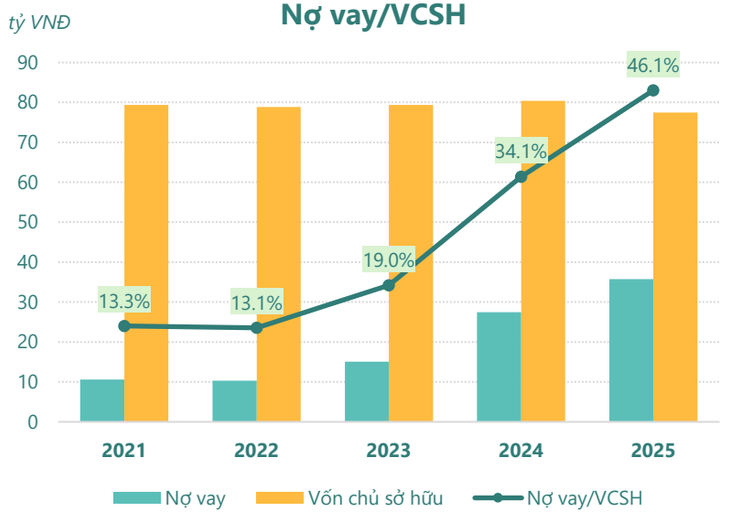
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

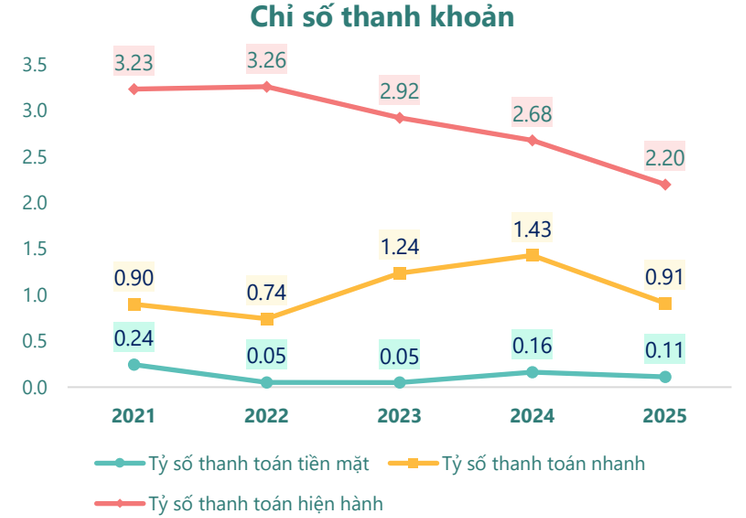
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



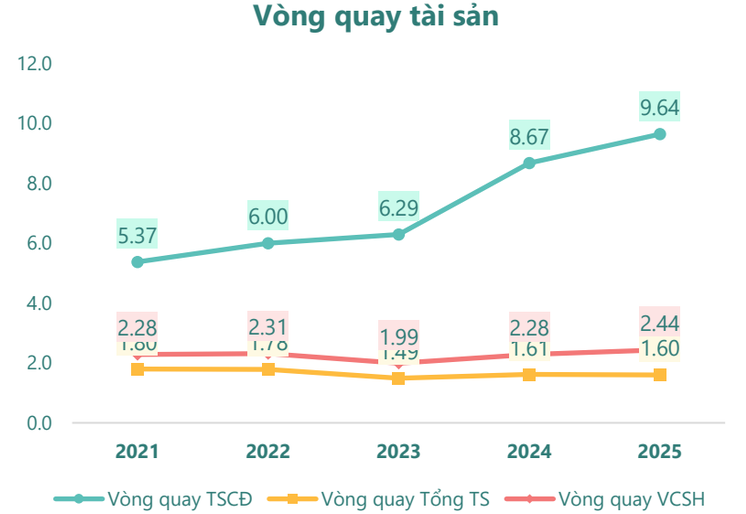
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



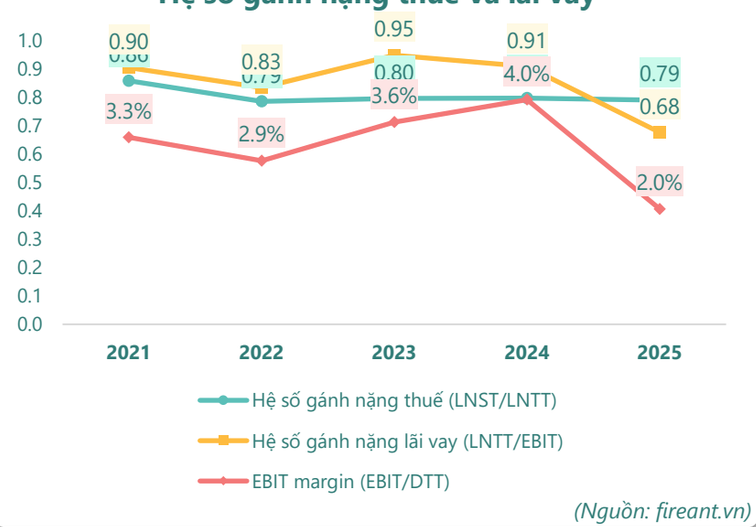
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



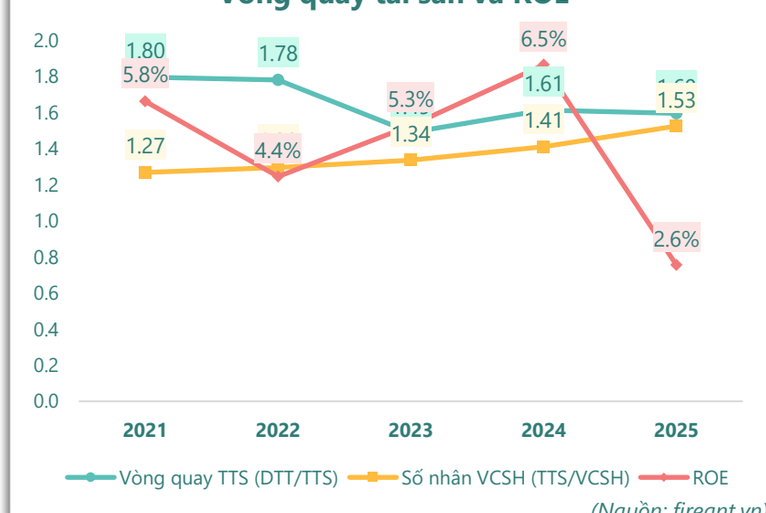
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



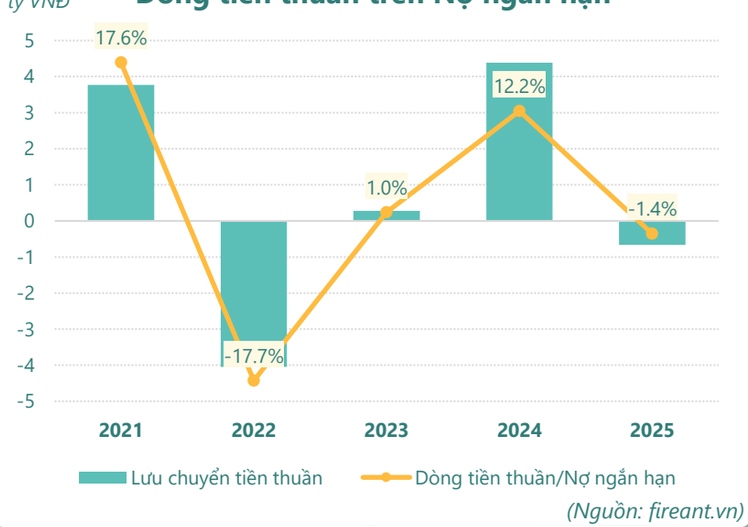
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**47.6**	**41.9**	**13.5%**	**192**	**182**	**5.6%**
Giá vốn hàng bán	42.0	36.8	14.3%	170	155	9.3%
Lợi nhuận gộp	5.51	5.09	8.2%	22.5	26.7	-15.7%
Doanh thu HĐTC	0.36	0.53	-31.5%	2.24	2.13	4.9%
Chi phí TC	0.29	0.20	47.4%	1.32	1.00	31.6%
Chi phí lãi vay	0.25	0.18	37.4%	1.26	0.66	91.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.43	4.31	-20.3%	15.5	15.0	3.4%
Chi phí QLDN	**1.00**	**1.77**	**-43.5%**	**5.31**	**6.30**	**-15.7%**
LN thuần từ HĐKD	1.14	-0.65	276%	2.63	6.55	-59.9%
Lợi nhuận khác	**0.00**	**0.00**		**0.02**	**0.00**	**509%**
LN trước thuế	1.14	-0.66	273%	2.64	6.54	-59.6%
Lợi nhuận sau thuế	**0.89**	**-0.55**	**262%**	**2.09**	**5.21**	**-60.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.89**	**-0.55**	**262%**	**2.09**	**5.21**	**-60.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.40	-4.07	-1.96	-9.93	-1.63	0.82
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-8.19	5.59	-4.88	0.10	4.81	8.42
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.96	2.09	2.63	11.5	-3.87	-6.65
Tiền đầu kỳ	8.00	2.25	5.85	1.64	3.28	2.60
Lưu chuyển tiền thuần	**-5.75**	**3.61**	**-4.21**	**1.64**	**-0.68**	**2.58**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.00	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	2.25	5.85	1.64	3.28	2.60	5.19

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**124**	**117**	**6.7%**
Tài sản ngắn hạn	103	96.3	6.5%
Tiền và tương đương tiền	5.19	5.85	-11.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	18.6	31.5	-41.0%
Phải thu ngắn hạn	14.8	12.8	15.6%
Hàng tồn kho	60.0	44.9	33.8%
Tài sản ngắn hạn khác	3.90	1.24	216%
Tài sản dài hạn	**21.8**	**20.3**	**7.4%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	20.3	19.6	3.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.15	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**1.35**	**0.63**	**115%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	46.9	36.2	29.6%
Nợ ngắn hạn	**46.6**	**36.0**	**29.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	35.7	27.4	30.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.08	4.94	43.3%
Nợ dài hạn	0.23	0.18	27.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**77.5**	**80.4**	**-3.7%**
Vốn chủ sở hữu	**77.5**	**80.4**	**-3.7%**
Vốn điều lệ	67.5	67.5	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)